TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: **51**/2025/HNGĐ-ST Ngày 20 tháng 5 năm 2025 *V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tin và ông Lương Ngọc Biên

Thư ký phiên toà: Ông Mông Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn N, xã Q, huyện Yên Dũng (nay là thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ *Bị đơn*: Anh Trần Văn H, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn T, xã L, huyện Yên Dũng (nay là tổ dân phố T, phường T, thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trần Văn H: Bà Giáp Thị H và bà Trần Thu T - Là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: số 663 đường Lê Lợi, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (Bà H có mặt; bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và anh H lấy nhau là tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, gia đình hai bên tổ chức cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lão Hộ, huyện Yên Dũng ngày 24/12/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống cùng gia đình anh H một thời gian, sau khi sinh con đầu lòng mẹ con chị về sống cùng bố mẹ đẻ ở thôn Núi, xã Quỳnh Sơn, sau đó anh H cũng về sống cùng mẹ con chị từ đó. Quá trình chung sống nhiều lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2020, mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2022, nguyên nhân do anh Hoằng không có trách nhiệm với gia đình, làm được tiền thì thường chơi bời hết, gia đình anh H không coi trọng chị, mọi việc trong gia đình chồng chị đều không được tham gia và bàn bạc, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau nhưng đều giấu bố mẹ nên không ai biết. Nhiều lần chị và anh H quyết định ly hôn nhưng vì con cái nên vẫn cố gắng tiếp tục sống, tuy sống cùng nhà nhưng vợ chồng không còn gần gũi tình cảm, không quan tâm gì đến nhau. Đến ngày 26/12/2022 (âm lịch) anh H bị ngã do trèo lên cây và phải điều trị tại Bệnh viện Việt Đức, thành phố Hà Nội được 17 ngày được điều chuyển về Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang điều trị đến khoảng tháng 11/2023 thì về nhà điều trị. Đến tháng 12/2023, bố mẹ anh H đón anh H về gia đình để chăm sóc từ đó đến nay, đồng thời cũng chuyển khẩu cho anh H về thôn Thượng Tùng, xã Lão Hộ. Sau đó bố mẹ và chị vẫn thường lên thăm hỏi, gửi quà cho anh Hoằng. Khi đón anh H về chăm sóc một thời gian, đến tháng 6/2024 mẹ chồng là bà Lĩnh yêu cầu chị phải chu cấp 10.000.000đồng/ 1 tháng để điều trị cho anh H, chị không đồng ý vì bản thân chị đi làm công ty thu nhập không cao lại phải nuôi 03 con ăn học rất tốn kém, đòi hỏi của bà L là quá đáng. Do chị không đồng ý chu cấp, bà L có chửi chị nên giữa chị và mẹ chồng xảy ra mâu thuẫn, từ đó chị không lên thăm nom anh H nữa, vợ chồng chị sống ly thân từ đó, không quan tâm gì đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Khi anh H bị tai nạn như vậy thì bản thân chị vẫn luôn làm tròn trách nhiệm của một người vợ với anh H, tuy nhiên đến nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh H, chị và anh H đều không mang lại hạnh phúc cho nhau, vợ chồng không không còn khả năng đoàn tụ, chị kiên quyết xin ly hôn và đề nghị Toà án giải quyết ly hôn cho chị và anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Trần Thuỳ L, sinh ngày 05/9/2008, Trần Duy K, sinh ngày 16/01/2012, Trần Chấn P, sinh ngày 29/5/2020. Hiện nay các con đang ở cùng chị, vẫn khoẻ mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung vì anh H bị tai nạn

không có khả năng lao động để nuôi các con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH MTV SJTECH Việt Nam ở khu công nghiệp Vân Trung, thu nhập bình quân 10.000.000đồng/ 1 tháng.

- Về tài sản chung: Thời gian chung sống cùng bố mẹ thì vợ chồng chị không có đóng góp gì, vợ chồng không có tài sản chung, chị không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không có nợ chung, chị không đề nghị Toà án giải quyết.

* Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh Trần Văn H nhiều lần (do bố mẹ anh H là ông Trần Văn V và bà Phạm Thị L nhận thay và cam đoan giao lại cho anh H) nhưng anh H không đến Toà án làm việc, không có văn bản trình bày quan điểm gửi đến Toà án. Theo như bố mẹ anh Hoằng là ông Trần Văn V và bà Phạm Thị L cung cấp: Anh Hoằng bị tai nạn từ năm 2022 và mất 86% sức khỏe, anh H đang dần hồi phục, tự đi lại quanh nhà, quanh sân, tự vệ sinh, tự ăn uống nhưng chân tay còn yếu nên vẫn cần có sự hỗ trợ của người thân. Anh H vẫn nhận thức được người thân và nhận thức được mọi việc nhưng không nói được mà giao tiếp với mọi người bằng ký hiệu tay. Anh H có biết việc Toà án đang giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị A và anh H nhưng khi biết Toà án đến gia đình làm việc thì anh H dễ bị kích động, ảnh hưởng đến sức khoẻ. Do vậy, ông V, bà L không cho cán bộ Toà án tiếp cận với anh H để lấy lời khai.

Tài liệu, chứng cứ thu thập được:

+ Tại biên bản xác minh bà Phạm Thị L là tổ trưởng tổ dân phố Thượng Tùng cung cấp: Anh H và chị A kết hôn năm 2007, sau khi kết hôn về sống cùng gia đình chị Anh. Đến năm 2022 anh H bị tai nạn, nghe gia đình nói anh H bị mất 86% sức khỏe, sau đó bố mẹ anh H đã đón anh H về nhà chăm sóc. Thời gian đầu có thấy chị Anh lên nhà thăm nom anh H, từ giữa năm 2024 đến nay không thấy chị A lên thăm nom, chăm sóc anh H nữa. Chị A xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, chị A và anh H có 03 con chung hiện đang sống cùng chị A. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản chị A và anh H có gì thì bà không biết.

+ Tại biên bản xác minh với bà Phạm Thị L và ông Thân Văn là bố mẹ của anh Hoằng cung cấp: Anh H và chị A kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lão Hộ, kết hôn xong về sống cùng gia đình chị Anh. Năm 2022 anh

Hoằng bị tai nạn mất 86% sức khỏe, sau khi anh H ra viện ông bà đã đón anh Hoằng về nhà chăm sóc. Thời gian đầu chị A có thỉnh thoảng lên nhà thăm, từ tháng 6/2024 đến nay chị A không lên thăm nom, chăm sóc anh H, cũng không chu cấp gì cho anh H. Hiện nay anh H sức khỏe đang dần phục hồi, tự đi lại quanh nhà, quanh sân, tự vệ sinh, ăn uống tuy nhiên vẫn cần có sự hỗ trợ của người thân. Anh H vẫn nhận thức được mọi việc nhưng không nói được mà giao tiếp với người thân bằng ký hiệu tay. Anh H hiện đang hưởng trợ cấp khuyết tật đặc biệt nặng (dạng khuyết tật gì thì ông V, bà L không biết). Tuy nhiên chưa có kết luận của cơ quan chuyên môn xác định tỷ lệ tổn thưởng, mức độ ảnh hưởng đến khả năng nhận thức và điều chỉnh hành vi của anh H. Ông V và bà L không yêu cầu giám định, không yêu cầu tuyên bố anh Hoằng khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Chị A xin ly hôn anh H thì ông Vinh, bà L không đồng ý, đề nghị Tòa án dừng giải quyết vụ án đến khi nào anh H hồi phục sức khỏe thì giải quyết.

+ Tại biên bản làm việc với bà Phạm Thị T là mẹ đẻ của chị Anh cung cấp: Chị A và anh H kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lão Hộ, kết hôn xong về sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống chị A và anh H có phát sinh mâu thuẫn, còn nguyên nhân do đâu bà không biết vì chị A không nói gì cho bà biết. Năm 2022 khi anh H bị tai nạn, gia đình bà chăm sóc chu đáo, đến cuối năm 2023 gia đình anh H đón anh H về chăm sóc. Đến tháng 6/2024 mẹ chồng chị A yêu cầu chị A chu cấp 10.000.000đồng/1 tháng để điều trị cho anh H là quá đáng, chị A không đồng ý nên giữa mẹ chồng và chị A xảy ra mâu thuẫn. Việc chị A xin ly hôn anh H, bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt nên các bên không thống nhất về việc giải quyết vụ án.

+ Ngày 16/4/2025, Tòa án mở phiên tòa nhưng anh H vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án hoãn phiên tòa.

+ Ngày 05/5/2025, Tòa án mở phiên tòa nhưng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H là bà giáp Thị H và bà Trần Thu T có đơn xin hoãn phiên toà, Tòa án hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020, tuy vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm gì đến nhau mà sống vì con cái. Năm 2022 anh H bị tai nạn và chị vẫn chăm sóc chu đáo là vì làm tròn nghĩa vợ chồng. Anh H hiện nay không thể chăm lo cho bản thân,

không chăm sóc được vợ con nên không thể nào mang lại hạnh phúc cho chị. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh H, vợ chồng chị không còn khả năng đoàn tụ, chị không thể tiếp tục sống chung với anh H nữa và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh Trần Văn H. Chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung là Trần Thuỳ L, sinh ngày 05/9/2008, Trần Duy K, sinh ngày 16/01/2012, Trần Chấn P, sinh ngày 29/5/2020. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản chị không có yêu cầu gì.

+ Bị đơn anh Trần Văn H tiếp tục vắng mặt không có lý do.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trần Văn H trình bày: Tại phiên toà chị A xác định mâu thuẫn giữa chị và anh H phát sinh từ năm 2020, vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng không quan tâm gì đến nhau. Đến năm 2022 khi anh H bị tai nạn thì chị A vẫn là người trực tiếp chăm sóc anh H. Đồng thời theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn chính dẫn đến việc chị xin ly hôn anh H là xuất phát từ mâu thuẫn giữa chị A và mẹ chồng, do bà L yêu cầu chị chu cấp hàng tháng cho anh H nhưng chị không đồng ý. Điều này cũng không thể hiện mâu thuẫn của chị A và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh H không thể tự khai, trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị A. Căn cứ các quy định của pháp luật nên yêu cầu xin ly hôn của chị A chưa đảm bảo, do vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A. Về nuôi con chung thì hiện nay sức khoẻ của anh H không đảm bảo để lao động nuôi dưỡng các con nên đề nghị tạm giao 03 con chung cho chị A nuôi dưỡng. Trên cơ sở phân tích ở trên thì xác định các bên không có mâu thuẫn, không vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được như quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành bỏ mất quyền của mình theo quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A và xử cho chị A được ly hôn anh Trần Văn H. Về con chung, giao cả 03 con

chung là Trần Thuỳ L, sinh ngày 05/9/2008, Trần Duy K, sinh ngày 16/01/212, Trần Chấn P, sinh ngày 29/5/2020 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con: chị A không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung cho chị và anh Trần Văn Hoằng nên cần xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Văn H sinh sống và cư trú trên địa bàn xã L, huyện Yên Dũng (nay là phường Tân An, thành phố Bắc Giang). Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng (nay là Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của bị đơn: Theo lời khai của các đương sự thể hiện anh H bị tai nạn mất 86% sức khỏe dẫn tới việc khó khăn trong việc đi lại, việc nhận thức và điều khiển hành vi nhưng chưa có kết luận của cơ quan chuyên môn về việc này. Tòa án đã hướng dẫn, giải thích nhưng ông V, bà L là bố mẹ của anh H và chị A là nguyên đơn nhưng không ai yêu cầu giám định, không yêu cầu tuyên bố anh H khó khăn trong nhận thức và điều khiển hành vi hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Bà L yêu cầu trợ giúp pháp lý cho anh H nên Trung tâm trợ giúp pháp lý đã cử bà Giáp Thị H và bà Trần Thu T là trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H. Theo hướng dẫn tại mục 6, phần IV Công văn số 01/2017/GĐ-TATC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ trong trường hợp không có ai có yêu cầu thì Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Như vậy anh H vẫn tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án, không cần đưa người đại diện của anh H vào tham gia tố tụng.

[1.3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Trần Văn H kết hôn ngày 24/12/2007 tại UBND xã Lão Hộ, huyện Yên Dũng, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Trước khi cưới hai bên có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã Lão Hộ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa chị A và anh H là tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn, không vi phạm điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Theo lời khai chị A, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng là năm 2020. Nguyên nhân do anh H không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, tuy sống cùng nhà nhưng vợ chồng không còn gần gũi tình cảm, không quan tâm gì đến nhau, chị và anh H vẫn tiếp tục sống chung là vì con cái. Ngoài ra còn do nguyên nhân giữa chị và mẹ chồng xảy ra từ khi anh H bị tai nạn mất 86% sức khoẻ, bố mẹ đẻ anh H là bà L, ông Vinh đón anh Hoằng về gia đình chăm sóc, bà L yêu cầu chị phải chu cấp cho anh H 10.000.000đồng/ 1 tháng, chị không đồng ý thì bà L chửi chị, giữa chị và mẹ chồng xảy ra mâu thuẫn nên từ tháng 6/2024 chị không lên thăm nom, chăm sóc anh H nữa. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, chị xác định không còn tình cảm gì với anh H. Tình trạng của anh H hiện nay không thể chăm lo cho bản thân, vợ con nên không thể nào mang lại hạnh phúc cho chị, do vậy vì hạnh phúc riêng tư của chị nên chị giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh H. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H vẫn vắng mặt, không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị A và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hội đồng xét xử thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, quan tâm, chia sẻ và chăm sóc lẫn nhau nhưng anh H bị tai nạn trong nhiều năm không đảm bảo các yếu tố trên nên xác định đây không phải là một gia đình hạnh phúc. Việc chị A khởi kiện xin ly hôn với anh H để tìm kiếm xây dựng hạnh phúc mới cho mình là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với pháp

luật và đạo lý. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Anh là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị A và anh H có 03 con chung là cháu Trần Thuỳ L, sinh ngày 05/9/2008, Trần Duy K, sinh ngày 16/01/2012, Trần Chấn P, sinh ngày 29/5/2020. Kể từ khi anh H bị tai nạn đến nay thì một mình chị A nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 con chung, các con đều khoẻ mạnh phát triển bình thường, được ăn học đầy đủ.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án lấy lời khai của cháu L và cháu K trên 7 tuổi đều có nguyện vọng được ở với chị A và chị A cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con. Hiện nay chị A đang làm công nhân thu nhập bình quân 10.000.000đồng/ 1 tháng. Anh H không thể tự chăm sóc cho bản thân, trong sinh hoạt hằng ngày vẫn cần sự hỗ trợ của người thân nên không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập của các con được ổn định, các con được phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên khi chị A và anh H ly hôn nên cần giao cả 03 con chung cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại các Điều 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[2.5] Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự không có yêu cầu.

[2.6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị A xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Trần Văn H.

2.2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Thuỳ L, sinh ngày 05/9/2008, Trần Duy K, sinh ngày 16/01/2012, Trần Chấn P, sinh ngày 29/5/2020.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự không có yêu cầu.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005444 ngày 25/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND TP.Bắc Giang.
- CCTHADS huyện Yên Dũng (nay là CCTHADS TP.Bắc Giang);
- UBND P.Tân An, TP.Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thủy